

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 18 - 01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương.

Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn 2BĐ, xã GĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn 2BĐ, xã GĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 2BĐ, xã GĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn 2BĐ, xã GĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn T. (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 11 năm 2017). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn là hàng xóm của nhau. Biết bị đơn là chủ phường nên nguyên đơn có tham gia chơi 04 suất phường, cụ thể như sau: (1) Suất thứ nhất tham gia chơi từ ngày 30 tháng 11 năm 2015, bị đơn nói có 16 người chơi, đóng phường 15 tháng - mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng, lãi suất 600.000 đồng/tháng, đóng hết kỳ vào tháng 01 năm 2017, bốc phường vào tháng tiếp sau tháng thứ 15 (là tháng 2 năm 2017). (2) suất thứ hai tham gia chơi từ ngày 30 tháng 5 năm 2016, bị đơn cũng nói có 16 người chơi, việc đóng tiền, lĩnh tiền, lãi suất như suất trước, đóng hết kỳ vào tháng 07 năm 2017, bốc phường vào tháng tiếp sau tháng thứ 15 (là tháng 8 năm 2017). (3) suất thứ ba và (4) suất thứ tư tham gia chơi từ ngày 30 tháng 10 năm 2016, bị đơn cũng nói có 16 người chơi, việc đóng tiền, lĩnh tiền như suất trước, lãi suất 500.000 đồng/tháng của một suất, đóng hết vào tháng 12 năm 2017, bốc phường vào tháng tiếp sau tháng thứ 15 (là tháng 1 năm 2018). Việc thỏa thuận tham gia chơi, cách thức chơi đều do nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận miệng với nhau. Bị đơn ghi vào sổ của nguyên đơn thời gian bắt đầu tham gia chơi và lãi suất. Còn số người chơi thì bị đơn nói miệng là có 16 người chơi nhưng không nói cụ thể là ai. Mỗi lần đóng tiền nguyên đơn đều đóng cho bị đơn và bị đơn có trực tiếp ký vào sổ của nguyên đơn. Theo đó, suất thứ nhất nguyên đơn đã đóng đủ 15 tháng với số tiền 30.000.000 đồng. Suất thứ hai nguyên đơn đã đóng 9 tháng đến tháng 01 năm 2017 với số tiền 18.000.000 đồng. Suất thứ ba nguyên đơn đã đóng 4 tháng đến tháng 01 năm 2017 với số tiền 8.000.000 đồng. Suất thứ tư nguyên đơn đã đóng 4 tháng đến tháng 01 năm 2017 với số tiền 8.000.000 đồng. Lý do không đóng tiếp là đến thời hạn lĩnh phường của suất thứ nhất nhưng bị đơn không trả nên không đóng nữa. Ngoài ra, ngày 25 tháng 11 năm 2015 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng có giấy biên nhận do bị đơn viết và ký, không thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi suất vay. Tuy nhiên đối với khoản vay nợ này thì bị đơn vẫn đưa tiền lãi đều đặn hàng tháng cho nguyên đơn đến tháng 12 năm 2016. Từ tháng 01 năm 2017 đến khi khởi kiện nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ vay cũng như trả tiền phường nhưng bị đơn không trả khoản tiền nào. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền sau: Tiền phường: - Suất phường thứ nhất: 28.000.000 đồng tiền gốc (Vì, trong một lần đóng tiền con dâu bị đơn là người nhận thay cho bị đơn chứ không phải bị đơn trực tiếp ký nhận nên nguyên đơn rút yêu cầu đòi số tiền 2.000.000 đồng này), tiền lãi 8.400.000 đồng; - Suất phường thứ hai: 18.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi

5.400.000 đồng; - Suất phường thứ ba: 8.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi 2.000.000 đồng; - Suất phường thứ tư: 8.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi 2.000.000 đồng. Tổng tiền phường: gốc là 62.000.000 đồng, lãi là 17.800.000 đồng. Tiền vay nợ 20.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi của số tiền vay theo mức lãi suất của Nhà nước quy định tính từ tháng 01 năm 2017 đến nay.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Bị đơn đã nhận được các văn bản và quyết định tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, biên bản ghi lời khai và bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2018 bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn 20.000.000 đồng và nhận của nguyên đơn 04 suất phường như nguyên đơn trình bày là đúng, việc vay nợ và nhận tiền phường do một mình bị đơn thực hiện không liên quan đến chồng bà là ông Đàm Tri C.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 280, 357, 463, 466, 468, 469, 471, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 14, 15, 29 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2006 về Hui, họ, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 01 năm 2017 đến khi xét xử theo mức lãi suất của Nhà nước quy định; tiền gốc đóng phường là 62.000.000 đồng. Đối với khoản tiền lãi phường nguyên đơn yêu cầu là 17.800.000 đồng: Đề nghị chấp nhận một phần theo quy định của pháp luật, không chấp nhận đối với phần lãi suất vượt quá quy định. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ như sau: Một quyển sổ kê ca rô đã cũ, kích thước 13cm x 9cm; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao chứng minh nhân dân; giấy ủy quyền tham gia tố tụng của ông Vũ Văn T. Bị đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ như sau: Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, đơn xin miễn giảm án phí, bản tự

khai. Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh về việc vắng mặt của bị đơn, biên bản ghi lời khai của bị đơn.

Tình tiết mà nguyên đơn và bị đơn thống nhất: Số tiền, thời gian bị đơn vay của nguyên đơn, số suất phường và số tiền nguyên đơn tham gia chơi, lãi suất khi chơi phường mà bị đơn là chủ phường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nợ, trả tiền phường. Do vậy đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng. Về pháp luật áp dụng: Việc vay nợ và tham gia chơi phường các bên xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nhưng việc tham gia đóng phường, việc trả lãi nợ vay được thực hiện đến sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Về người tham gia tố tụng: Bà Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị T phải trả tiền. Do vậy nguyên đơn là bà Đỗ Thị T, bị đơn là bà Trịnh Thị T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T vì bà Đỗ Thị T trình bày khoản tiền cho vay là khoản tiền chung của bà và ông Vũ Văn T. Đối với khoản tiền vay nợ và tiền phường cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng ông Đàm Trì C là chồng bị đơn không có liên quan, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ và không yêu cầu đưa ông Đàm Trì C vào tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không xác định ông Đàm Trì C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với khoản vay nợ: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn khoản tiền vay nợ là 20.000.000 đồng và khoản tiền lãi của số tiền vay theo mức lãi suất do Nhà nước quy định từ tháng 01 năm 2017 đến nay (12 tháng). Việc vay nợ có giấy viết tay do bị đơn ký, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc vay là 20.000.000 đồng. Về khoản tiền lãi của số tiền vay, khi vay các bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng theo nguyên đơn bị đơn vẫn trả lãi đều đặn cho nguyên đơn đến hết tháng 12 năm 2017 do vậy căn cứ Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương

đương 0,83%/tháng. Như vậy tiền lãi là 20.000.000 đồng x 12 tháng x 0,83% bằng 1.992.000 đồng.

Đối với khoản tiền phưởng: Nguyên đơn trình bày đây là khoản tiền chơi phưởng nhưng thực tế nguyên đơn chỉ biết bị đơn là chủ phưởng còn không biết ai là thành viên, khi đến hạn lĩnh thì không được lấy, không được tham gia tiếp, khi yêu cầu trả thì không trả. Do vậy có căn cứ buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền đã đóng cho bị đơn. Việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với khoản tiền 2.000.000 đồng đóng cho bị đơn vào ngày 30 tháng 12 năm 2015 là tự nguyện nên chấp nhận. Đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ việc riêng nếu có yêu cầu.

Về khoản lãi của tiền phưởng: Các bên thỏa thuận lãi suất của các suất phưởng đều vượt quá 20%/năm (quá 1,6%/tháng) theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do vậy, khoản tiền lãi của các suất phưởng được chấp nhận gồm: Lãi 1 tính từ khi bắt đầu đóng đến khi dừng đóng theo mức lãi suất 1,6%/tháng + Lãi 2 tính từ khi dừng đóng đến hết thời hạn đóng theo mức lãi suất 1,6%/tháng + Lãi 3 từ khi hết hạn đóng theo thỏa thuận đến khi xét xử theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm tương ứng 0,83%/tháng. Tính cụ thể như sau: Số tiền được nguyên đơn đóng theo tháng nên khoản tiền Lãi 1 được tính theo hướng lũy kế của số tiền thực đóng, đóng bao nhiêu hưởng lãi bấy nhiêu (*hoặc có thể tính với công thức chung là tổng tích ma từ 1-n của 2.000.000 đồng nhân với mức lãi suất 1,6% (trong đó n là số tháng đóng tiền)*), chi tiết:

Suất phưởng thứ nhất: Lãi 1 bằng 2.789.800 đồng. Lãi 2 không có vì đã đóng đủ tiền theo thỏa thuận. Lãi 3 từ tháng 01 năm 2017 đến khi xét xử (12 tháng) là 28.000.000 đồng x 0,83% x 12 tháng bằng 2.788.800 đồng. Cộng: 5.578.600 đồng.

Suất phưởng thứ hai: Lãi 1 bằng 1.440.000 đồng. Lãi 2 từ tháng 02 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017 (06 tháng) là 18.000.000 đồng x 6 tháng x 1,6% bằng 1.728.000 đồng. Lãi 3 từ tháng 8 năm 2017 đến khi xét xử (06 tháng) là 18.000.000 đồng x 6 tháng x 0,83% bằng 896.400 đồng. Cộng: 4.064.400 đồng

Suất phưởng thứ ba, thứ 4: Lãi 1 bằng 320.000 đồng/suất. Lãi 2 từ tháng 02 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017 (11 tháng) là 8.000.000 đồng x 11 tháng x 1,6% bằng 1.408.000 đồng/suất. Lãi 3 từ tháng 12 năm 2017 đến khi xét xử (01 tháng) là 8.000.000 đồng x 01 tháng x 0,83% bằng 66.400 đồng/suất. Cộng: 1.794.400 đồng/suất.

Vậy căn cứ Điều 351, 463, 466, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho bà Đỗ Thị T và ông Vũ Văn T tổng số tiền là: Khoản tiền vay: Gốc 20.000.000 đồng, lãi 1.992.000 đồng; khoản tiền đóng phường: Gốc đóng phường: 62.000.000 đồng, tiền lãi được chấp nhận là 13.231.800 đồng. Tổng cộng 97.223.800 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí, đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nhưng không có các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm do vậy bị đơn phải chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm là 4.861.190 đồng. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, 463, 466, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T, buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho bà Đỗ Thị T và ông Vũ Văn T số tiền 97.223.800 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền 2.000.000 đồng đóng cho bà Trịnh Thị T ngày 30 tháng 12 năm 2015. Trả lại quyển sổ kê ca rô đã cũ kích thước 13cm x 9cm nếu đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị T phải chịu 4.861.190 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Đỗ Thị T số tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.570.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005923 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có

mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải phòng;
- VKSND huyện Thủy nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy nguyên;
- Đường sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn